TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2019

"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Bà Võ Lệ Huyền.

-*Thư ký phiên tòa*: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, thôn 03, xã BTr, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chổ ở hiện nay: Tổ 10, thôn 03, xã BTr, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Trần Nhật D, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, thôn 03, xã BTr, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chổ ở hiện nay: Tổ 10, thôn 03, xã BTr, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh D vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì chị H và anh D đi đến tổ chức đám cưới. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 10 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã BTr, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng đến tháng 10 năm 2017 thì bắt đầu phát nhiều sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm trong cuộc sống, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cải vã, bà H đã cố nhịn để tạo dựng hạnh phùc nhưng không đạt kết quả. Từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay và hai vợ chồng cũng không gặp nhau để hàn gắn lại hạnh phúc. Do đó tình cảm vợ chồng cũng bị mất dần. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Nhật D.

Về nuôi con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là Trần Nữ Bảo Tr, sinh ngày 09-11-2004; Trần Phương Tuệ A, sinh năm 23/6/2017. Hiện hai cháu đang được anh D chăm sóc và nuôi dưỡng nay chị H có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Nữ Bảo Tr và giao cháu Trần Phương Tuệ A cho anh D nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Nhật D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là Trần Nữ Bảo Tr, sinh ngày 09-11-2004; Trần Phương Tuệ A, sinh năm 23/6/2017. Giao cháu Trần Nữ Bảo Tr cho chị H nuôi dưỡng và giao cháu Trần Phương Tuệ A, sinh năm 23/6/2017 cho anh D nuôi dưỡng, chị Huệ và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Huệ không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H và anh D sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị H yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh D là xã BTr, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh D trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 10 năm 2003 tại UBND xã BTr, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không có cùng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong sinh hoạt nên không thể hòa hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã và mâu thuẫn. Từ đó không còn hạnh phúc vì vậy vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không gặp nhau để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Từ đó dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị H, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh D để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng anh D vẫn cố tình không đến chứng tỏ anh D không có thiện chí để đoàn tụ. Ngoài ra theo chứng cứ chị H cung cấp thì mâu thuẫn giữa chị H và anh D là có thật đã xảy ra từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Ngoài ra từ khi vợ chồng ly thân đến nay đã lâu nhưng anh D và chị H cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại hạnh phúc. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D ngày càng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh D.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là Trần Nữ Bảo Tr, sinh ngày 09-11-2004; Trần Phương Tuệ A, sinh năm 23/6/2017 hiện do anh D đang chăm sóc và nuôi dưỡng.

Nay chị Huệ có nguyện vọng nuôi cháu Tr, qua xác minh cháu Tr có nguyện vọng sống với mẹ mặc khác cháu Tr là con gái đã 15 tuổi đang ở độ tuổi dậy thì cần có sự chăm sóc gần gủi của người mẹ là phù hợp. Vì vậy nghĩ nên giao cháu Tr cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Tuệ A mặc dù cháu chưa tròn 36 tháng tuổi nhưng hiện nay đang được anh D trực tiếp nuôi dưỡng nay chị H tự nguyện giao cho anh D nuôi dưỡng là hợp lý nghĩ nên ghi nhận.

Chị H và anh D không phải yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Nhật D.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Nhật D có 02 con chung là Trần Nữ Bảo Tr, sinh ngày 09-11-2004; Trần Phương Tuệ A, sinh năm 23/6/2017

Giao cháu Trần Nữ Bảo Tr cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Trần Phương Tuệ A cho anh Trần Nhật D tiếp tục nuôi dưỡng. Chi H, anh D Không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0008855 ngày 10 tháng 5 năm 2019; Chị Nguyễn Thị H đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12-9-2019), đối với chị Nguyễn Thị H và anh Trần Nhật D vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi gởi:
- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- Các Đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND xã Bình Trung.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÀO TRỌNG HẢI